

Số: /QĐ-UBND Lạng Giang, ngày tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu dân cư thôn Mầu, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 Ban hành quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 và Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh);*

*Căn cứ Công văn số 2815/SNN-KHTC, ngày 28/12/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang về công bố đơn giá tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;*

*Căn cứ Thông báo số 39/TB-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện Lạng Giang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu dân cư thôn Mầu, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang;*

*Theo đề nghị của phòng Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số: 20/TTr-NN&PTNT ngày 18/01/2023 về việc đề nghị phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng gắn liền với đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Khu dân cư thôn Mầu, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang.*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.**

1. Phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng gắn liền với đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Khu dân cư thôn Mầu, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang để làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, cụ thể *(Có phụ lục chi tiết đính kèm)*.

2. Các cơ quan: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông xây dựng môi trường và UBND xã Thái Đào có trách nhiệm:

- Phối hợp thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho đối tượng nơi có đất thu hồi theo quy định.

- Chủ tịch UBND xã Thái Đào có trách nhiệm niêm yết quyết định tại Nhà văn hóa thôn nơi có đất thu hồi và trụ sở UBND xã.

3. Văn phòng HĐND và UBND huyện có trách nhiệm đăng tải quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của huyện.

**Điều 2.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Tài Chính - Kế hoạch, Thanh tra, Tư pháp, Kho bạc Nhà nước, Chi Cục thuế khu vực Lạng Giang - Lục Nam, Trung tâm Phát triển Quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông xây dựng môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện; Chủ tịch UBND xã Thái Đào và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, TH, CNTT, Cổng TTĐT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Thị Hương Lan**

**PHỤ LỤC**  
**ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2023 của UBND huyện)

<b>TT</b>	<b>Loại tài sản</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Đơn giá</b>
1	Cây trồng hàng năm	đ/m <sup>2</sup>	9.500
2	Cây quýt từ 1-2 năm, cao 0,5-1m, thân 1-3cm, tán <0,8m, mật độ BQ 0,8cây/m <sup>2</sup>	đ/m <sup>2</sup>	38.700
4	Cây Mít ĐK gốc 3cm ≤ Φ <7cm	đ/cây	320.000
5	Cây Mít ĐK gốc 7cm ≤ Φ <9cm	đ/cây	372.500
6	Cây Mít ĐK gốc 9cm ≤ Φ <12cm	đ/cây	425.000
7	Cây Xoài mới trồng từ 3 tháng đến 1 năm	đ/cây	35.000
8	Cây Xoài trồng từ 1-2 năm	đ/cây	60.000
9	Cây Khế ĐK gốc 15cm ≤ Φ <20cm	đ/cây	345.000
10	Cây Khế ĐK gốc 20cm ≤ Φ <25cm	đ/cây	415.000
11	Cây Sung ĐK gốc 7cm ≤ Φ <9cm	đ/cây	195.000
12	Cây Sung ĐK gốc 15cm ≤ Φ <20cm	đ/cây	345.000
13	Cây Sung ĐK gốc 20cm ≤ Φ <25cm	đ/cây	415.000
14	Cây Chanh ĐK gốc 9cm ≤ Φ <12cm	đ/cây	547.000
15	Cây Hồng xiêm mới trồng từ 3 tháng đến 1 năm	đ/cây	45.000
16	Cây Hồng xiêm trồng từ 1 năm	đ/cây	70.000
17	Cây Hồng xiêm ĐK gốc 7cm ≤ Φ <9cm	đ/cây	295.000
18	Chuối trồng từ 6 tháng đến khi có quả	đ/khóm	53.000
19	Chuối đã có quả	đ/khóm	87.000
20	Cây Nhãn ĐK tán lá 6m ≤ F <7m	đ/cây	2.216.000
21	Cây Nhãn ĐK tán 5m ≤ F <6m	đ/cây	1.790.000
22	Cây Nhãn ĐK tán 7m ≤ F <8m	đ/cây	2.642.000

<b>TT</b>	<b>Loại tài sản</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Đơn giá</b>
23	Cây Bưởi ĐK gốc 7-9cm	đ/cây	1.559.000
24	Cây Vú sữa ĐK gốc $5\text{cm} \leq \Phi < 7\text{cm}$	đ/cây	358.000
25	Cây Núc nác trồng trên 6 năm	đ/cây	141.000
26	Cây Sấu ĐK gốc $15\text{cm} \leq \Phi < 19\text{cm}$	đ/cây	635.000
27	Cây Sấu ĐK gốc $3\text{cm} \leq \Phi < 7\text{cm}$	đ/cây	320.000
28	Cây Cau mới trồng từ 3 tháng đến 1 năm	đ/cây	35.000
29	Cây Cau ĐK gốc $15\text{cm} \leq \Phi < 20\text{cm}$	đ/cây	185.000
30	Cây Cau ĐK gốc $20\text{cm} \leq \Phi < 25\text{cm}$	đ/cây	225.000
31	Cây Sưa ĐK gốc D1,3 từ 10-<12cm	đ/cây	2.000.000

---